

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21.8.2025

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Hồng Thái và bà Vũ Thị Liên.

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà Phạm Thị Thơ-Thư ký Toà
án nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên tham gia
phiên toà:** ông Dương Sơn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 3 -
Hưng Yên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình
thụ lý số 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2025 về việc: "Ly
hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 01/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/07/2025 và Quyết định hoãn
phiên toà số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vũ Thị H, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: thôn T, xã
N, huyện K (nay là: thôn T, xã H), tỉnh Hưng Yên; nơi tạm trú: số nhà 699,
Ngõ 697, đường Nguyễn Hoàng Tôn, TDP T 4, phường X, quận B (nay là số
nhà 699, Ngõ 697, đường N, TDP T 4, phường X), thành phố Hà Nội (vắng
mặt).

2. Bị đơn: anh Trần Hữu T, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn T, xã N,
huyện K (nay là: thôn T, xã H), tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 20/02/2009;

+ Cháu Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/7/2010;

Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện K (nay là: thôn T, xã H), tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu T và cháu Đ: chị Vũ Thị H và
anh Trần Hữu T (là bố, mẹ đẻ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai của chị Vũ Thị H thể hiện: chị và anh T là hai người cùng địa phương, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, ngày 11/4/2008. Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và trong quá trình nuôi dạy các con. Anh T thường xuyên rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, chị đã khuyên ngăn nhưng không được nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, chung sống không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn, khiến chị chán nản và không muốn chung sống với anh T nữa. Cuối năm 2018 chị đi Hà Nội làm ăn, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị xác định chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng, chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: chị và anh Tuấn có hai con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 20/02/2009 và Trần Hữu Đ, sinh ngày 11/7/2010. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H xin được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Hữu T không có mặt tại địa phương. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và thông qua số điện thoại của ông Nguyễn Văn D, Công an xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên, gọi đến số điện thoại của anh T 0367.196.680. Thông qua các số điện thoại trên Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà đã thông báo cho anh T biết việc chị H xin ly hôn anh T, yêu cầu của chị H theo đơn khởi kiện tại Toà án và Toà án đang thụ lý, giải quyết vụ án. Anh T xác định đã biết chị H có đơn xin ly hôn anh và biết Toà án đã tiến hành làm các thủ tục khác tại địa phương, nhưng anh mong muốn được ly hôn chị H tại UBND xã Ngọc Thanh (nay là UBND xã Hiệp Cường), UBND xã cũng có quyền giải quyết ly hôn. Thẩm phán đã giải thích về thẩm quyền giải quyết vụ án và thông báo cho anh T biết thời gian Toà án nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên mở phiên toà xét xử vụ án xin ly hôn giữa chị H và anh T. Anh Tuấn xác định, anh và chị H đã ly thân nhau 07 năm, nên chị H xin ly hôn anh, anh nhất trí nhưng anh mong muốn UBND xã giải quyết ly hôn cho anh, còn việc Toà án giải thích về thẩm quyền anh sẽ tìm hiểu sau. Anh T cung cấp hiện anh đang ở: Câu lạc bộ CLUV- Chiphucha Nam Thăng Long, Hà Nội. Anh T xác định Toà án chỉ cần liên lạc với anh qua Zalo và qua số điện thoại. Ngoài ra anh T không trình bày gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trần Thị Thanh T và Trần Hữu Đ trình bày: bố mẹ các cháu sống mỗi người một nơi nhiều năm nay, nguyên nhân mâu thuẫn của bố mẹ các cháu không biết, các cháu hiện nay

đang ở với mẹ và đang học tập ổn định. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu xin được tiếp tục ở với mẹ, các cháu không muốn thay đổi gì.

Chính quyền địa phương cung cấp: Chị H và anh T, kết hôn tại UBND xã Ngọc Thanh ngày 11/4/2008. Sau khi kết hôn, chị H về gia đình anh T làm ăn, chung sống và có hai con chung như chị H trình bày trên. Thời gian vợ chồng chị H, anh T phát sinh mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết. Nguyên nhân mâu thuẫn theo địa phương được biết là do anh T rượu chè, năm 2018 vợ chồng chị H, anh T đã bán nhà đất đi làm ăn ở nơi khác, địa chỉ cụ thể như thế nào địa phương không biết. Chị H xin ly hôn anh T và đề nghị giải quyết về con chung khi ly hôn, địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Công an xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên xác định, anh T có hộ khẩu tại địa phương, không tạm trú tại địa phương nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa, chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Trần Hữu T. Về con chung: chị giữ nguyên quan điểm xin được tiếp tục nuôi con chung đến khi các cháu thành niên, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Hữu T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Hữu T. Về con chung: Giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 20/02/2009 và Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/7/2010, đến khi các cháu thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công sức, công nợ: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: chị Vũ Thị Huệ khởi kiện xin ly hôn anh Trần Hữu T, có nơi cư trú tại thôn T, xã N, huyện K (nay là thôn T, xã H), tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà hôm nay, chị Vũ Thị H vắng mặt, đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên toà; anh T vắng mặt, Toà án đã tiến hành niêm yết và thông báo cho anh T các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và các văn bản tố tụng khác của Toà án cho anh T đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Toà án xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh T, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị H và anh Trần Hữu T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động (nay là xã Hiệp Cường), tỉnh Hưng Yên, ngày 11/4/2008. Như vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Nay chị H xin ly hôn anh T, sẽ được áp dụng luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Căn cứ lời khai của chị H, anh T và qua xác minh tại địa phương nơi chị H và anh T sinh sống có đủ cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị Huệ và anh T chung sống với nhau đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và trong đời sống hàng ngày. Chị H và anh T mâu thuẫn trầm trọng nhất từ cuối năm 2018 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn trách nhiệm với nhau nữa, kinh tế vợ chồng độc lập. Nay chị H xin ly hôn anh T. Xét thấy, quá trình tiến hành giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh T không đến Toà án làm việc và tham gia các phiên họp. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xử cho chị H được ly hôn của anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị H và anh T có 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 20/02/2009; Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/7/2010. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với chị H. Nếu ly hôn chị xin nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay chị H là người đang trực tiếp nuôi 02 con, chị có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh T không có mặt tại địa phương. Để đảm bảo quyền lợi của con chung nên giao cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu

T và Đ, đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Khi nào anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người nuôi con, chia tài sản. Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: chị Vũ Thị H phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Hữu T.

2. Về con chung: giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Trần Hữu Đ, sinh ngày 17/7/2010, cho đến khi các cháu thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: không đặt ra xem xét.

Khi nào anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người nuôi con, chia tài sản. Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001775 ngày 16/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị Huế đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, người vắng

mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Hiệp Cường;
- VKSND khu vực 3 – Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hưng Yên;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh